

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HS-PT

Ngày: 16/7/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Công Đồng và bà Nguyễn Thị Minh Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 61/2024/TLPT-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Thị T** do có kháng cáo của bị hại ông **Vũ Việt T1** đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2024/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

*** Bị cáo bị kháng cáo:** **Nguyễn Thị T**; sinh năm 1960; nơi ĐKHKTT: **thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1927 (đã chết) và bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1927 (đã chết); gia đình bị cáo có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; chồng: **Bùi Thế T2**, sinh năm 1960; con: có 05 con, con lớn sinh năm 1982 con nhỏ sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 17/01/2024 đến kết thúc phiên tòa sơ thẩm được trả tự do tại phiên tòa (do tuyên xử án treo). Có mặt.

*** Bị hại có kháng cáo:** ông **Vũ Việt T1**, sinh năm 1975; nơi ĐKHKTT: **thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh**. Có mặt.

Trong vụ án còn có 10 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác tuy nhiên không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/8/2013, **Nguyễn Thị T** và chồng là ông **Bùi Thế T2** sinh năm 1960 cùng trú tại **thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh** ký hợp đồng tín dụng vay số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) của **Ngân hàng B**. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, vợ chồng **T** và ông **T2** thế chấp thửa đất số 610, tờ bản đồ 01, diện tích 294m² và tài sản gắn liền trên đất tại **thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh**.

Do không trả được nợ đúng hạn nên **Ngân hàng B** đã khởi kiện vụ án dân sự tại Tòa án nhân dân huyện Yên Phong. Tại bản án số 01/2015/KDTM-ST ngày 08/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong tuyên vợ chồng **Nguyễn Thị T** và ông **Bùi Thế T2** phải trả nợ (1.050.524.886 đồng bao gồm tiền gốc, lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn) trong trường hợp chưa trả hết nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Sau đó, quá trình thi hành án đến ngày 24/8/2017, ông **Vũ Việt T1** trúng đấu giá quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên thửa đất số 610, tờ bản đồ số 01, diện tích 294 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V403341 do **UBND huyện Y** cấp ngày 16/12/2003 cho hộ ông **Bùi Thế T2** (nay là thửa đất số 119, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DE118947 do **UBND huyện Y** cấp ngày 05/5/2022 cho ông **Vũ Việt T1**). Tài sản trên đất gồm: khu nhà trọ hai tầng trên lợp tôn sắt, lan can sắt (tổng 14 phòng), khu nhà trọ cuối đất 02 tầng lợp tôn, không có lan can (06 phòng). Nhà ở cấp 4 lợp ngói hiên bê tông có diện tích 47 m², dãy ki-ốt 03 phòng có diện tích 106 m² một phần xây trên đất lấn chiếm, dãy ki-ốt 01 phòng có diện tích 35 m² một phần xây trên đất lấn chiếm và các tài sản khác (chi tiết kèm theo biên bản kiểm kê ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong) theo biên bản bán đấu giá tài sản ngày 24/8/2017 giữa **Công ty Cổ phần Đ** và ông **Vũ Việt T1**.

Ngày 15/12/2017, Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong ra Quyết định số 03/QĐ-CCTHADS về việc giao tài sản cho người mua được tài sản bán đấu giá, trong Quyết định nêu: "...Giao tài sản cho ông **Vũ Việt T1** sinh năm 1975 địa chỉ: **Bằng L, T, Y, Bắc Ninh**, tài sản gồm: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 610, tờ bản đồ số 01, diện tích 294m vuông, tại **thôn N, L, Y, Bắc Ninh** đã được **UBND huyện Y** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 mang tên hộ ông **Bùi Thế T2**, (đo đạc chính quy năm 2004, thửa đất số 119, tờ bản đồ số 21); tài sản gắn liền với đất: nhà ở, công trình xây dựng trên thửa đất số 119, tờ bản đồ số 21, đo đạc chính quy năm 2004 (căn cứ theo biên bản kê biên ngày 27/3/2017); giá trị tài sản là: 2.442.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm bốn mươi hai triệu đồng)."

Ngày 04/08/2021, **UBND xã L** ra Quyết định cưỡng chế số 221/QĐ-UBND và đến ngày 09/12/2021 tổ chức thi hành cưỡng chế tháo dỡ mái tôn, khung sắt, tường gạch diện tích 45m² trên phần đất thủy lợi tại **thôn N, xã L** là phần lấn chiếm đối với ông **Vũ Việt T1** tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 21. Toàn bộ phần mái tôn, khung sắt, tường gạch được tháo dỡ phần đất lấn chiếm được lực lượng cưỡng chế mang bỏ ra bãi rác gần đó. Quá trình cưỡng chế thì ông **T1** có mặt chứng kiến. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi cưỡng chế xong thì ông **T1** đi về nhà. Lúc này, **Nguyễn Thị T** đi đến thửa đất số 119 thì thấy ông **T1** không có mặt ở đó nên **T** đã nhờ anh **Bùi Thế L** là cháu ruột ông **Bùi Thế T2** ở cùng thôn trèo lên khu nhà trọ tại thửa đất của ông **T1** tháo mái tôn trên khu nhà

trợ xuống và bảo chị **Bùi Thị T3**, chị **Nguyễn Thị T4**, chị **Bùi Thị T5**, chị **Nguyễn Thị Huyền T6** (là con gái và con dâu của **T**), bà **Nguyễn Thị V** (em gái **T**), anh **Nguyễn Văn T7** (con rể của **T**) bê những tấm tôn, sắt, cánh cửa bằng sắt ở khu nhà trọ thuộc quyền sở hữu của ông **T1** bê về để ở nhà anh **Nguyễn Văn M** (hàng xóm gần đó). Do trong thời gian không có nhà ở, **T** và ông **T2** thuê trọ tại nhà anh **M**. Sau đó, có ông **Nguyễn Văn L1** (em trai của **T**), bà **Bùi Thị T8** (em gái ông **T2**) đi đến rồi cùng mọi người khiêng một tấm tôn về nhà anh **M**. Bản thân **T** trực tiếp nhặt hai thanh sắt từ khu đất của nhà ông **T1** mang về nhà anh **M**. Ngày 13/12/2021, phát hiện bị mất trộm tài sản nên ông **T1** đã đến **Công an huyện Y** trình báo sự việc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Y** đã tiến hành xác định hiện trường nơi xảy ra vụ việc và tạm giữ số tôn màu xanh, sắt và cửa sắt tại nhà anh **Nguyễn Văn M**, sau đó phân loại số tài sản thu giữ được và cân trọng lượng được 160 kg sắt và 361 kg tôn.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 10/KL-HĐĐGTS ngày 21/01/2022 của Hội đồng định giá tài sản **huyện Y** kết luận: 160kg thanh sắt, hàng phế liệu, đã qua sử dụng trị giá 1.920.000 đồng và 361kg tấm tôn, hàng phế liệu, đã qua sử dụng trị giá 3.476.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là: 5.396.000 đồng.

Ngày 17/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện Y** đã ra Quyết định khởi tố bị can và Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với **Nguyễn Thị T**. Quá trình bắt giữ đã thu giữ của **T** 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5s, số IMEI: 868683041013131, lắp sim số: 0353500210.

Tại Bản án số: 45/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** 08 (**T9**) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

* Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận về việc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0001817 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2024, bị hại **Vũ Việt T1** kháng cáo đề nghị xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Thị T**.

Ngày 10/7/2024, bị hại **Vũ Việt T1** làm đơn kháng cáo bổ sung đề nghị không cho bị cáo **T** hưởng án treo và không đồng ý với mức bồi thường 5 triệu đồng như Tòa sơ thẩm đã tuyên mà đề nghị buộc bị cáo **T** phải bồi thường 20 triệu đồng và

làm cam kết giải tỏa phần vườn chuối, rau, hàng rào, biển “Đất miễn giao dịch mua bán”...đang cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã xét xử là đúng, thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử bị cáo 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bị cáo đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bị hại là ông **Vũ Việt T1** trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt và không cho bị cáo được hưởng án treo vì sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo **T** không ăn năn hối cải như phiên tòa sơ thẩm, vẫn không chịu giải tỏa phần vườn chuối, rau, hàng rào, biển “Đất miễn giao dịch mua bán”...như đã cam kết ở phiên tòa sơ thẩm, gây cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của ông. Đồng thời, về phân trách nhiệm dân sự ông yêu cầu bị cáo **T** phải bồi thường 20 triệu đồng vì ông còn mất thời gian công sức theo đuổi vụ việc và nhân công bốc, dỡ, vận chuyển tang vật, đến nay tang vật hư hỏng không tái sử dụng được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khẳng định quá trình điều tra, truy tố, xét xử của cấp sơ thẩm là hoàn toàn đúng pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại ông **Vũ Việt T10** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với nội dung xem xét tăng nặng hình phạt và không cho bị cáo **T** được hưởng án treo và phải bồi thường số tiền 20 triệu đồng. Tuy nhiên bị hại **T10** không đưa ra được các chứng cứ, tình tiết mới để chứng minh nội dung kháng cáo. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo **Nguyễn Thị T** không có ý kiến tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ông **Vũ Việt T1** không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm vụ án, các cơ quan và người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không bị khiếm khuyết. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định bị hại ông **Vũ Việt T1** có kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo và bị hại phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, kết luận giám định, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 09/12/2021, tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 21 tại **thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh** thuộc quyền sở hữu của ông **Vũ**

Việt T1. Lợi dụng lúc ông **T1** không có mặt, **Nguyễn Thị T** đã lén lút trộm cắp 160kg thanh sắt và 361kg tấm tôn đều đã qua sử dụng, tổng trị giá 5.396.000 đồng của ông **T1**, mục đích để sử dụng. Do vậy, bản án sơ thẩm xét xử bị cáo **Nguyễn Thị T** phạm tội “ Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ra tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, làm mất an ninh trật tự trên địa bàn và dư luận xấu trong xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong nhân dân.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị hại **Vũ Việt T1** đề nghị tăng mức hình phạt đối với bị cáo **Nguyễn Thị T**, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo **T** là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã từng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, chồng bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba. Bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 5 triệu đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Phong để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hơn nữa, tài sản trộm cắp có giá trị không lớn 5.396.000 đồng và đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T 08 (T9)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là phù hợp, không nhẹ. Tại phiên tòa hôm nay bị hại ông **Vũ Việt T1** không xuất trình thêm được tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với kháng cáo về phân trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường thêm 20 triệu đồng vì bị hại còn mất tiền thuê luật sư tư vấn, thời gian công sức theo đuổi vụ việc và nhân công bốc, dỡ, vận chuyển tang vật, đến nay tang vật hư hỏng không tái sử dụng được. Xét thấy những căn cứ ông **T1** đưa ra là không phù hợp nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về phân trách nhiệm dân sự.

Về yêu cầu bị cáo **T** phải giải tỏa phần vườn chuối, rau, hàng rào, biển “Đất miễn giao dịch mua bán”...như đã cam kết ở phiên tòa sơ thẩm, gây cản trở quyền sử dụng đất hợp pháp của ông. HĐXX xét thấy yêu cầu này không thuộc phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm nên không xem xét giải quyết. Nếu ông **T1** yêu cầu có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự theo trình tự Tố tụng dân sự.

[4]. Về án phí: ông **Vũ Việt T1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại **Vũ Việt T1**; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2024/HS-ST ngày 10/4/2024 của **Tòa án nhân dân huyện Yên Phong**, tỉnh Bắc Ninh.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T 08 (T9)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (Mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho **Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh** giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **Nguyễn Thị T** bồi thường 5.000.000 đồng cho bị hại ông **Vũ Việt T1**, xác nhận bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0001817 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bị hại ông **Vũ Việt T1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật tính từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10 – CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Bắc Ninh
- CQĐT; VKS; TAND huyện Yên Phong;
- Bị cáo, người tham gia TT;
- Lưu HS; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hòa

